

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17- 4 -2024

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Doãn Đức Hùng.

2. Bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1218/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc: “Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Phùng Anh V, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N có mặt, ông V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu N trình bày: Bà và ông Phùng Anh V tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 16/3/2020.

Sau khi kết hôn giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã về vấn đề nuôi dạy và chăm sóc con. Ông V không quan

tâm, để ý tới cảm xúc của bà và có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự của bà. Bà và ông V đã không còn sống chung với nhau từ khoảng tháng 10/2023 đến nay. Nay bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phùng Anh V.

Về con chung: Bà và ông V có 01 con chung là Phùng Anh K, sinh ngày 02/5/2022. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con do hiện tại con bà còn quá nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Tạm thời bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phùng Anh V trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Thu N tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/3/2020.

Quá trình chung sống của vợ chồng diễn ra bình thường, tuy nhiên thời gian gần đây xảy ra một số mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất trong cách nuôi dạy con. Từ khoảng tháng 10/2023 đến nay, bà N đã chuyển ra ngoài sống riêng, vợ chồng vẫn chưa thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn mà mong muốn Tòa án cho thêm thời gian để ông có nhiều biện pháp khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà N có 01 con chung là cháu Phùng Anh K, sinh ngày 02/5/2022. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại ông đang làm việc tự do, thu nhập bình quân mỗi năm khoảng 100.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị Thu N. Cho bà N được ly hôn với ông Phùng Anh V.

Về con chung: Bà N và ông V có 01 con chung là cháu Phùng Anh K, sinh ngày 02/5/2022. Giao cháu Phùng Anh K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà N, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Bà N, ông V khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà N phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, vụ án “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tại phiên tòa ngày 05/4/2024, bị đơn - ông Phùng Anh V vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bận công việc đột xuất không thể tham gia phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa ngày 05/4/2024 và ấn định lại thời gian mở phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 17/4/2024. Tại phiên tòa ngày 17/4/2024, bị đơn – ông Phùng Anh V tiếp tục vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do chăm sóc con và đưa con đi khám bệnh, tuy nhiên ông V không cung cấp các tài liệu chứng minh đề nghị cho đề nghị hoãn phiên tòa của mình. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn – ông Phùng Anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu N và ông Phùng Anh V tự nguyện kết hôn với nhau năm 2020 và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà N và ông V xác định vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không thống nhất trong việc nuôi dạy con. Tuy nhiên bà N yêu cầu ly hôn thì ông V không đồng ý vì ông V còn thương yêu vợ con và cần thời gian để hàn gắn tình cảm. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các bên nhưng bà N cương quyết ly hôn với ông V. Điều này chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà N được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà N và ông V có 01 (một) con chung là cháu Phùng Anh K, sinh ngày 02/5/2022. Ly hôn cả bà N và ông V đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cả bà N và ông V đều có công việc, thu nhập ổn định và đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên hiện cháu K đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự quan tâm chăm sóc từ người mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Phùng Anh K cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phùng Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà N, ông V không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà N, ông V khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị Thu N được ly hôn với ông Phùng Anh V.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Anh K, sinh ngày 02/5/2022 cho bà Phạm Thị Thu N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông Phùng Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phùng Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà N, ông V không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà N, ông V khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0006312 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Bà N đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Thu N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phùng Anh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai
(Giấy CNKH số 25 ngày 16/3/2020);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm